

TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
AN PHÁT CÁT TƯỜNG - ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ
Gia tăng quyền lợi, vẹn toàn tương lai



Gia tăng khả năng bảo vệ rủi ro toàn diện tùy theo nhu cầu thực tế



Tích lũy an toàn và hiệu quả với lãi suất đầu tư ổn định cùng các khoản thưởng



Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch bảo hiểm để hướng tới tương lai vững chắc

Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ: Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Với hệ thống mạng lưới vững chắc gồm **76 Công ty thành viên** trên khắp 63 tỉnh thành, gần **400 văn phòng khu vực và Tổng đại lý**, cùng hơn **225.000 Tư vấn viên**, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang bảo vệ cho hơn **14,2 triệu lượt khách hàng** với tổng số tiền chi trả quyền lợi và đáo hạn gần **35.000 tỷ đồng**, đóng góp hiệu quả vào ngân sách Nhà nước và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài 1900 558899 **Fax** 024.35770958

Tư vấn viên: Phan Thị Huyền

Mã số: D108067689

Điện thoại: 0354541072

Nhóm/Ban: Ban Đại Bàng - TNA, Phan
Thị Huyền

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Tây Nghệ An

Mặt đường quốc lộ 7A, xóm Yên Quang, Xã Yên Sơn, Huyện Đô Lương,
Tỉnh Nghệ An



TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM AN PHÁT CÁT TƯỜNG - ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ

Với phí định kỳ năm 20.000.000 đồng, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
I	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) chính	
1	QLBH tử vong*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm tử vong và 100% Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD).
2	QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn và 100% GTTKHD.
3	QLBH bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (Ung thư giai đoạn 4, Ung thư máu giai đoạn cuối, Suy đa tạng, Hôn mê sâu, Xơ gan giai đoạn mất bù kèm hội chứng suy gan giai đoạn cuối)*	Ứng trước 50% QLBH tử vong (tối đa 500 triệu đồng) và miễn Phí bảo hiểm rủi ro của QLBH tử vong và QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn.
4	Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng**	Được xác định bằng tỷ lệ % của GTTKHD trung bình trong thời hạn xét thưởng và được trả vào GTTKHD vào Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 10 và mỗi 05 năm sau đó (bao gồm cả Ngày đáo hạn).
5	Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản**	Khi Hợp đồng đang có hiệu lực và không tạm ngừng đóng phí, nếu GTTKHD trung bình trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả vào GTTKHD.
6	Quyền lợi đáo hạn	446.156.478 đồng (<i>Giá trị dự kiến đã bao gồm Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản, tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến 7%/năm</i>)
7	Quyền lợi hưởng Lãi suất cam kết tối thiểu	Tại mọi thời điểm, Bảo Việt Nhân thọ cam kết lãi suất đầu tư mà Hợp đồng được hưởng mỗi năm sẽ không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu quy định dưới đây:



STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI	
		Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)
		Từ Năm thứ 01 đến Năm thứ 05	2,0%
		Từ Năm thứ 06 đến Năm thứ 15	1,5%
8	Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư	Tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt Nhân thọ sẽ đánh giá và điều chỉnh lại GTTKHD (nếu cần) để đảm bảo giá trị này không thấp hơn tổng của GTTKHD tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu và tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư đã phát sinh. Trong đó, Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu tại cuối năm Hợp đồng liền trước nhân với Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư quy định dưới đây:	
		Thời điểm phát sinh quyền lợi	Thời điểm phát sinh quyền lợi (%)
		Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 10	1,5%
		Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 11 trở đi	1,0%
II	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) nâng cao	Không tham gia	

Ghi chú:

- (*) Chi trả tỷ lệ riêng cho trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- (**) Quyền lợi sẽ được tích lũy để hưởng lãi và được trả theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa và các nội dung khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.

LÃI SUẤT DỰ KIẾN VÀ LÃI SUẤT CÔNG BỐ CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến áp dụng kể từ ngày 01/01/2020 là: 5,5%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 7,1%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 8,5%/năm (năm 2014).



QUYỀN LỢI BẢO HIỂM GIA TĂNG CỦA CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ

Sản phẩm bồi trợ	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi đảm bảo
1. Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.	100% Số tiền bảo hiểm



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Ngày dự thảo: 03/05/2020

	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	CMND/Thẻ CCCD/ HC/GKS	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm	Nguyễn Hữu Toàn	19/04/1991	29	Nam		4.2. L/vực Y khoa: B/viện - tr/tâm y tế - Bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ

Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Cát Tường - Đóng phí định kỳ:

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm:	15 năm
Thời hạn đóng phí định kỳ:	Bằng thời hạn bảo hiểm
Định kỳ đóng phí:	năm
QLBH tử vong/thương tật nghiêm trọng do tai nạn:	Cơ bản



	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm định kỳ năm (đồng)
An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ	Nguyễn Hữu Toàn		20.000.000
Quyền lợi bảo hiểm chính:			
- QL BH tử vong		500.000.000	
- QL BH thương tật nghiêm trọng do tai nạn		500.000.000	
Quyền lợi bảo hiểm nâng cao			
- Không tham gia			
Quyền lợi của Sản phẩm bổ trợ			
1. Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13)	Nguyễn Hữu Toàn	100.000.000	181.120
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm bổ trợ			181.120
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng chính và Sản phẩm bổ trợ (*)			20.181.120

(*) Tổng phí bảo hiểm định kỳ có thể thay đổi hàng năm phụ thuộc vào sản phẩm bổ trợ lựa chọn.



Lưu ý:

- Để được chấp nhận bảo hiểm với sản phẩm chính An Phát Cát Tường - Đóng phí định kỳ, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 65 tuổi nhưng không quá 75 tuổi khi Hợp đồng đáo hạn.
- Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ trong tài liệu minh họa này làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.
- Sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13) có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm không thay đổi.
- Sản phẩm bổ trợ có áp dụng quy định hạn mức chi trả tối đa theo quy định tại Điều khoản Sản phẩm bổ trợ tương ứng.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ:
 - + Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13): Từ 01 đến 60 tuổi. Độ tuổi trên 60 có thể được tiếp tục bảo hiểm nếu đã tham gia bảo hiểm liên tục ít nhất 5 năm, nhưng tuổi tối đa khi kết thúc bảo hiểm không quá 70 tuổi.



MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH

Đơn vị: **ngàn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm HĐ/ Tuổi	Phí BH đóng trong năm	Phí BH đã đóng lũy kế	Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Minh họa với lãi suất 7%/năm				Minh họa với lãi suất 5%/năm				Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)			
	Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)															
	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính				QL tử vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính					QL tử vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính
1/29	20.000	20.000	10.000	10.000	1.093	500.000	9.314	0	1.094	500.000	9.129	0	1.094	500.000	8.851	0
2/30	20.000	40.000	5.000	15.000	1.075	500.000	24.649	4.649	1.076	500.000	23.982	3.982	1.077	500.000	23.132	3.132
3/31	20.000	60.000	3.600	16.400	1.059	500.000	42.572	24.572	1.061	500.000	41.063	23.063	1.063	500.000	39.356	21.356
4/32	20.000	80.000	2.400	17.600	1.044	500.000	63.057	47.057	1.049	500.000	60.276	44.276	1.053	500.000	57.384	41.384
5/33	20.000	100.000	2.000	18.000	1.026	500.000	85.404	71.404	1.035	500.000	80.872	66.872	1.042	500.000	76.453	62.453
6/34	20.000	120.000	700	19.300	1.005	500.000	110.739	100.739	1.019	500.000	103.885	93.885	1.032	500.000	97.040	87.040
7/35	20.000	140.000	700	19.300	982	500.000	137.870	132.870	1.004	500.000	128.065	123.065	1.024	500.000	118.240	113.240
8/36	20.000	160.000	700	19.300	958	500.000	166.946	166.946	990	500.000	153.481	153.481	1.020	500.000	140.066	140.066
9/37	20.000	180.000	700	19.300	925	500.000	198.047	198.047	972	500.000	180.157	180.157	1.014	500.000	162.522	162.522
10/38	20.000	200.000	700	19.300	881	500.000	231.394	231.394	946	500.000	208.210	208.210	1.005	500.000	185.637	185.637
11/39	20.000	220.000	700	19.300	820	500.000	269.366	269.366	909	500.000	239.742	239.742	991	500.000	211.194	211.194
12/40	20.000	240.000	700	19.300	749	500.000	307.899	307.899	872	500.000	270.874	270.874	986	500.000	234.724	234.724
13/41	20.000	260.000	700	19.300	654	500.000	349.226	349.226	819	500.000	303.593	303.593	975	500.000	258.821	258.821



Năm HĐ/ Tuổi	Phí BH đóng trong năm	Phí BH đã đóng lũy kế	Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Minh họa với lãi suất 7%/năm				Minh họa với lãi suất 5%/năm				Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)			
	Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)															
	Phí BH định kỳ				Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL tử vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL tử vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL tử vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
14/42	20.000	280.000	700	19.300	524	500.000	393.710	393.710	743	500.000	338.119	338.119	953	500.000	283.529	283.529
15/43	20.000	300.000	700	19.300	351	500.000	441.578	441.578	640	500.000	374.548	374.548	917	500.000	308.885	308.885
Quyền lợi đáo hạn					446.156				378.478				311.918			

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 300.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 300.000.000 đồng

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong (QLBH chính), Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và Giá trị hoàn lại nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng. Lưu ý với trường hợp tử vong trước sinh nhật lần thứ 4, số tiền trả áp dụng theo tỷ lệ % của Quyền lợi bảo hiểm tử vong và thay đổi theo sinh nhật.
- Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng. Giá trị này được xác định bằng GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị hoàn lại được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Đối với giá trị minh họa đảm bảo: (i) GTTKHD được tính bằng GTTKHD tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu cộng với tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư đã phát sinh; (ii) Giá trị hoàn lại và Quyền lợi bảo hiểm tử vong được tính trên cơ sở GTTKHD đảm bảo nêu trên.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.
- GTTKHD, Giá trị hoàn lại và Quyền lợi đáo hạn trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản (nếu có), trong đó:



Đơn vị: **nghìn đồng**

	Minh họa với lãi suất 7%/năm	Minh họa với lãi suất 5%/năm	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)
	Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)		
Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng (đến thời điểm đáo hạn)	7.150	6.183	4.845
Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản (đến thời điểm đáo hạn)	954	519	81



CÁC LOẠI PHÍ

1. **Phí bảo hiểm rủi ro:** Phí bảo hiểm rủi ro được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.

2. **Phí ban đầu:**

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	18%	12%	10%	3,5%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%	3,5%

3. **Phí quản lý Hợp đồng:** hiện tại là 20.000 đồng/tháng. Bảo Việt Nhân thọ có quyền điều chỉnh phí này hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố nhưng tối đa không quá 70.000 đồng/tháng. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm.

4. **Phí quản lý Quỹ liên kết chung:** 2%/năm tính trên giá trị Quỹ liên kết chung. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm nhưng tối đa không quá 3%/năm.

5. **Phí chấm dứt Hợp đồng** được xác định bằng tỷ lệ % của Phí bảo hiểm định kỳ quy năm như sau:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

6. **Phí rút trước:** Phí rút trước được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng. Phí rút trước được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

7. **Phí kiểm tra sức khỏe:** bằng phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu phí này trong một số trường hợp.



QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, **Phí bảo hiểm thực đóng chỉ được giảm khi Phí bảo hiểm định kỳ của 04 Năm hợp đồng đầu tiên được đóng đầy đủ.**
- Hợp đồng bảo hiểm An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ chỉ được nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) nếu Quý khách không đóng đủ Phí bảo hiểm cần thiết trong vòng 60 ngày kể từ ngày (i) Phí bảo hiểm định kỳ không được đóng đầy đủ trong 04 năm Hợp đồng đầu tiên; hoặc (ii) Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 (không) theo các trường hợp cụ thể được quy định tại Quy tắc, Điều khoản hợp đồng.
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) được quy định chi tiết trong Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ và Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có). Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Nguyễn Hữu Toàn

Bên mua bảo hiểm

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường - Đóng Phí Định Kỳ và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có).

Phan Thị Huyền

Tư vấn viên

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

